10

VIET NAM - IMMIGRATION
THỊ THỰC — VISAS

270A
22 JAN 2018
NỘI BÀI

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
許可年月日 Date of permit 23 JAN 2018
在留期限 Until 23 JAN 2019
在留資格 Status Technical Intern Training (I)(B)
在留期間 Duration One year
KANSAI

1611373317
KHYY5339670
PN3195347MA

JAPAN VISA
日本国査証

[redacted]

EB0649456

Place of issue: HANOI
Date of issue: 28 DEC 17
Date of expiry: 28 MAR 18
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 17A65502
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (G) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: NGUYEN MINH DUC
Passport No.: C3785624
Sex: M
Date of birth: 10 NOV 95
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks
0BY17-004820

V<JPNNGUYEN<<MINH<DUC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C3785624<3VNM9511109M1803286 17A65502620A<G07

3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Ngô Duy Thành

TỔNG CỤC CẢNH SÁT NHÂN DÂN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
Nguyễn Minh Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P
Mã số / *Code*: VNM
Số hộ chiếu / *Passport N°*: C3785624

Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN MINH ĐỨC
Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*
Ngày sinh / *Date of birth*: 10 / 11 / 1995
Nơi sinh / *Place of birth*: QUẢNG BÌNH
Giới tính / *Sex*: NAM / M
Số GCMND / *ID card N°*: 044095000011
Ngày cấp / *Date of issue*: 31 / 08 / 2017
Có giá trị đến / *Date of expiry*: 31 / 08 / 2027
Nơi cấp / *Place of issue*: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<MINH<DUC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C3785624<3VNM9511109M2708311044095000011<<22